

TÁC ĐỘNG CỦA VỐN TÍN DỤNG ĐẾN THU NHẬP CỦA NÔNG HỘ TRỒNG LÚA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TÂY NINH

Phạm Thị Nhiên¹, Nguyễn Duyên Linh¹, Phạm Thị Thuyền¹, Nguyễn Văn Cường¹

¹*Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh*

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá tác động của vốn tín dụng đến nguồn thu nhập chính của nông hộ trồng lúa trên địa bàn huyện Châu Thành tỉnh Tây Ninh. Các phương pháp thống kê mô tả, và phương pháp phân tích hồi quy đa biến được sử dụng để mô tả đặc điểm nông hộ, tình hình vay vốn tín dụng, phân tích tác động của tín dụng đến thu nhập và ước lượng mức độ ảnh hưởng của tín dụng đến thu nhập từ hoạt động trồng lúa là nguồn thu nhập chính của nông hộ. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng việc sử dụng vốn vay tín dụng có tác động tích cực đến thu nhập của nông hộ và làm tăng thu nhập của nông hộ. Theo đó, nhóm hộ có vay vốn tín dụng có thu nhập từ hoạt động trồng lúa cao hơn nhóm hộ chưa có vay vốn tín dụng hơn 33 triệu đồng một năm. Tuy nhiên trong quá trình vay vốn, nông hộ cũng còn gặp phải một số khó khăn nhất định. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng thu nhập của nông hộ trồng lúa.

Từ khóa: Huyện Châu Thành, nông hộ trồng lúa, thu nhập, tín dụng.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong quá trình hội nhập và phát triển kinh tế định hướng thị trường, Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định nông nghiệp, nông thôn có vị trí rất quan trọng và giữ vai trò nòng cốt trong phát triển kinh tế - xã hội. Nhận thức được vai trò quan trọng của lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, trong những năm qua, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã có nhiều văn bản chỉ đạo hệ thống ngân hàng thương mại cân đối nguồn vốn để đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn như tiếp tục đơn giản hóa thủ tục vay vốn, đồng thời công khai, minh bạch quy trình, thủ tục cho vay nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người nông dân tiếp cận vốn vay. Theo số liệu thống kê của NHNN thì đến cuối tháng 11 năm 2018 với sự tham gia của khoảng 70 ngân hàng và chi nhánh ngân hàng thương mại, hơn 1.100 Quỹ tín dụng nhân dân và Ngân hàng Chính sách xã hội đã đưa dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đạt gần 1,69 triệu tỷ đồng, chiếm 24% dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế và hơn 14 triệu lượt khách hàng đang còn dư nợ. Cơ cấu tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tập trung chủ yếu vào một số sản phẩm chủ lực mà Việt

Nam có thế mạnh như sản xuất lúa gạo, rau quả, cà phê... (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2018). Nghị định 116/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 55/2015/NĐ-CP với nhiều ưu đãi chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn ra đời song hành cùng các giải pháp về tín dụng ngân hàng nhằm đáp ứng cơ bản nhu cầu vốn phục vụ sản xuất, đặc biệt nâng cao tiếp cận vốn của người nghèo, người có thu nhập thấp ở khu vực nông thôn các vùng sâu, vùng xa vùng biên giới, góp phần hạn chế việc người dân tìm đến các nguồn vốn không chính thức khác.

Trong sản xuất nông nghiệp nói chung và hoạt động trồng lúa nói riêng vốn là một trong các yếu tố đầu vào cơ bản và thiết yếu của nông hộ. Tuy nhiên, trong thực tế hiện nay không phải nông hộ nào cũng có khả năng về vốn đầu tư cho hoạt động sản xuất của gia đình, do vậy nhu cầu vay vốn là rất lớn.

Châu Thành cũng là một huyện biên giới của tỉnh Tây Ninh, đời sống người nông dân còn nhiều khó khăn. Diện tích đất tự nhiên của huyện là 58.093,5 ha, trong đó đất nông nghiệp là 52.124,3 ha chiếm 89,72% tổng diện tích đất tự nhiên với cây trồng chủ lực là cây lúa nước.

Mặc dù nguồn vốn đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn đã được quan tâm nhiều hơn, tuy nhiên hiện nay trên địa bàn huyện vẫn còn rất nhiều nông hộ đang có nhu cầu vay vốn nhưng chưa tiếp cận được với nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng. Bên cạnh đó hiệu quả của việc sử dụng vốn của người dân ra sao? Vốn tín dụng có thực sự góp phần làm tăng thu nhập và cải thiện đời sống của người nông dân hay chưa? Những câu hỏi như vậy vẫn chưa có lời giải đáp cụ thể. Cho đến nay đã có nhiều nghiên cứu liên quan đến tín dụng trong nông nghiệp ở trong nước cũng như nước ngoài. Tuy nhiên, phần lớn những nghiên cứu liên quan đến khả năng và các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng ở nông thôn hoặc những nghiên cứu liên quan đến tín dụng cũng như vai trò của tín dụng đối với nông nghiệp và phát triển nông thôn ở mức độ tổng quan. Những nghiên cứu về tác động của tín dụng đến thu nhập của nông hộ tham gia từng ngành sản xuất trên từng địa phương cụ thể vẫn còn hạn chế. Trên cơ sở đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục tiêu đánh giá tác động của tín dụng đến thu nhập từ hoạt động trồng lúa của hộ để từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng thu nhập của nông hộ trên địa bàn huyện Châu Thành tỉnh Tây Ninh.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý thuyết

Thu nhập của nông hộ trồng lúa trên địa bàn nghiên cứu được tính là phần thu được sau khi lấy tổng doanh thu trừ đi chi phí vật chất, chi phí công lao động thuê ngoài và chi phí khác (khấu hao trang thiết bị sản xuất, lãi vay) và được tính trong thời gian một năm.

Trên thế giới đã có nhiều nghiên cứu thực nghiệm đã chỉ ra rằng thu nhập của nông hộ chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, nhưng các nhân tố chủ yếu bao gồm vốn, đất đai, trình độ học vấn, kinh nghiệm sản xuất, số lao động (Demurger và cộng sự, 2010; Janvry & Sadoulet, 2001;

Klasen và cộng sự, 2013; Yang, 2004; Yu & Zhu, 2013). Ngoài ra cũng có nhiều nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập nông hộ như Nguyễn Việt Anh và cộng sự (2010), Nguyễn Lan Duyên (2014), Huỳnh Thị Đan Xuân & Mai Văn Nam (2011), Chu Thị Kim Loan & Nguyễn Văn Hương (2015) đã chỉ ra rằng có nhiều yếu tố tác động đến thu nhập của nông hộ như vốn vay tín dụng, diện tích đất canh tác, số lao động của hộ gia đình, trình độ học vấn và kinh nghiệm thể hiện qua số năm tham gia sản xuất của chủ hộ. Trong đó các nhân tố này đều có tương quan thuận với thu nhập của nông hộ. Bên cạnh đó, thu nhập nông hộ còn chịu tác động của giới tính của chủ hộ, các hộ gia đình có chủ hộ là nam giới dường như có thu nhập cao hơn các hộ gia đình có chủ hộ là phụ nữ (Nguyễn Tiến Dũng và cộng sự, 2014).

Dựa trên cơ sở lý thuyết và các nghiên cứu thực nghiệm trong và ngoài nước trước đây cùng với điều kiện đặc thù của huyện Châu Thành tỉnh Tây Ninh, nghiên cứu xác định hàm thu nhập của hộ trồng lúa trên địa bàn có dạng tuyến tính với biến giả tín dụng như sau:

$$\text{THUNHAP} = \alpha_0 + \alpha_1\text{TINDUNG} + \alpha_2\text{DIENTICH} + \alpha_3\text{LAODONG} + \alpha_4\text{KINHNGHIEM} + \alpha_5\text{HOCVAN} + \alpha_6\text{GIOITINH} + \varepsilon_t$$

Trong đó, biến phụ thuộc THUNHAP là thu nhập trung bình trong 1 năm từ hoạt động sản xuất lúa của nông hộ (triệu đồng/năm), đây là nguồn thu nhập chịu tác động của việc sử dụng vốn vay tín dụng và cũng là nguồn thu nhập chính của hộ trồng lúa. Thông qua kết quả ước lượng các tham số của hàm thu nhập này, nghiên cứu có thể đánh giá tác động của tín dụng đến thu nhập của nông hộ trồng lúa thông qua việc kiểm định sự khác biệt về thu nhập giữa nhóm hộ có vay vốn và nhóm hộ chưa có vay vốn tín dụng. Ý nghĩa của các biến số và kỳ vọng về dấu của các hệ số α_i trong mô hình thu nhập được trình bày trong bảng 1.

Bảng 1. Diễn giải các biến số trong mô hình thu nhập của nông hộ trồng lúa

| Tên biến | Diễn giải | Đơn vị đo lường | Kỳ vọng về dấu của các hệ số α_i |
|------------|---|--|---|
| THUNHAP | Biến phụ thuộc thể hiện thu nhập từ hoạt động trồng lúa của nông hộ trong 1 năm | Triệu đồng/năm/hộ | |
| TINDUNG | Vay vốn tín dụng của hộ | Nhận giá trị 1 nếu hộ có vay vốn tín dụng và nhận giá trị 0 nếu hộ chưa vay vốn tín dụng | + |
| DIENTICH | Diện tích sản xuất lúa của hộ | Ha | + |
| LAODONG | Số lao động của hộ | Người | + |
| KINHNGHIEM | Số năm tham gia sản xuất lúa của chủ hộ | Năm | + |
| HOCVAN | Số năm đi học của chủ hộ | Năm | + |
| GIOITINH | Giới tính của chủ hộ | Nhận giá trị 1 nếu chủ hộ là nam và nhận giá trị 0 nếu chủ hộ là nữ | + |

2.2. Phương pháp thu thập số liệu và phân tích

Số liệu thứ cấp được thu thập từ Ủy ban nhân dân, phòng Nông nghiệp và phòng Thống kê huyện Châu Thành, các văn bản, Nghị định của Chính phủ, các nghiên cứu được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước.

Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua phương pháp điều tra chọn mẫu có phân tổ. Việc xác định số mẫu điều tra được thực hiện theo các chỉ tiêu: hình thức sản xuất là trồng lúa nước và điều kiện có vay vốn tín dụng hoặc chưa có vay vốn tín dụng. Để đảm bảo ý nghĩa về mặt thống kê thì mỗi nhóm nghiên cứu phải có tối thiểu 30 mẫu quan sát và số mẫu càng lớn thì kết quả phân tích càng có ý nghĩa về mặt thống kê cũng như ý nghĩa về mặt thực tiễn. Trong điều kiện giới hạn về nguồn lực, số liệu sơ cấp được thực hiện khảo sát với số lượng 80 hộ sản xuất lúa 3 vụ một năm, chia làm hai nhóm: nhóm hộ có vay vốn gồm 40 hộ và nhóm hộ chưa được vay vốn tín dụng là 40 hộ nhằm so sánh thu nhập cũng như hiệu quả từ hoạt động trồng lúa của hai nhóm hộ này. Mẫu khảo sát được chọn từ 4 xã đại diện cho tình hình sản xuất lúa của huyện là xã Thanh Điền, xã An Bình, xã Đồng Khởi và xã Hảo Đức. Đây là những vùng sản xuất lúa chủ yếu trên địa bàn huyện Châu Thành với diện tích lúa tập trung cao. Để đảm bảo tính đại diện mẫu, trên địa bàn mỗi xã chúng tôi chọn điều tra 20 hộ sản xuất lúa, trong đó 10 hộ có vay vốn và 10 hộ chưa được vay vốn tín dụng để nghiên cứu.

Về phương pháp phân tích, phương pháp thống kê mô tả cùng với phương pháp kiểm định T- test được dùng để mô tả đặc điểm nông hộ, tình hình vay vốn và sự khác biệt về thu nhập và hiệu quả từ sản xuất lúa của hai nhóm hộ có vay và chưa có vay vốn tín dụng trên địa bàn nghiên cứu. Phương pháp bình phương bé nhất thông thường được sử dụng để ước lượng mức độ ảnh hưởng của tín dụng và các yếu tố khác đến thu nhập từ hoạt động trồng lúa là nguồn thu nhập chính của nông hộ. Thông qua kết quả này, một lần nữa nghiên cứu chỉ ra được mức độ tác động của việc sử dụng vốn vay tín dụng đến thu nhập từ hoạt động trồng lúa của nông hộ.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm của nông hộ điều tra

Kết quả khảo sát 80 nông hộ trồng lúa 3 vụ tại huyện Châu Thành cho thấy số hộ có nam giới làm chủ hộ là 47 hộ, chiếm 58,75% và chủ hộ là nữ giới chiếm 41,25%. Bên cạnh đó kết quả khảo sát cũng cho thấy có sự tương đồng về các đặc điểm của nông hộ giữa nhóm hộ có vay vốn và nhóm hộ chưa được có vay vốn tín dụng. Kết quả này được thể hiện cụ thể qua bảng 2. Tuổi thọ trung bình của chủ hộ là 42,33 tuổi, với kinh nghiệm là trên 10 năm tham gia hoạt động trồng lúa. Đây là điều kiện rất tốt đáp ứng yêu cầu về sức lực và chuyên môn cho hoạt động trồng lúa. Tuy nhiên về trình độ học vấn của chủ hộ ở cả hai nhóm hộ có vay vốn và chưa vay vốn tín dụng còn khá thấp. Trình độ học vấn chủ hộ được thể hiện qua số năm đi học của chủ hộ,

theo kết quả khảo sát thì số năm đi học của chủ hộ trung bình ở mức 5,78, tức là chưa học qua lớp 6. Do đó, trong quá trình tiếp cận cũng như

làm thủ tục vay vốn tín dụng của các nông hộ còn gặp khó khăn là điều tất yếu.

Bảng 2. Đặc điểm chung của nông hộ điều tra

| Chỉ tiêu | ĐVT | Nhóm hộ có vay tín dụng | Nhóm hộ chưa vay tín dụng | Giá trị trung bình |
|---|-------|-------------------------|---------------------------|--------------------|
| Tuổi trung bình của chủ hộ | Tuổi | 41,63 | 43,03 | 42,33 |
| Trình độ văn hóa TB của chủ hộ | Năm | 5,60 | 5,95 | 5,78 |
| Số năm tham gia trồng lúa TB của chủ hộ | Năm | 10,23 | 11,03 | 10,63 |
| Số nhân khẩu của hộ | Người | 4,55 | 4,15 | 4,35 |
| Số lao động TB/hộ | Người | 2,63 | 2,38 | 2,51 |
| Diện tích trồng lúa TB của hộ | ha | 1,76 | 1,71 | 1,74 |

Nguồn: Kết quả phân tích từ số liệu điều tra năm 2020

Số liệu khảo sát cho thấy quy mô hộ trung bình là 4,35 người và số lao động bình quân của hộ là 2,51 người. Đây là số lượng tương đối chuẩn theo qui định của nhà nước (mỗi gia đình có 2 con). Diện tích nông nghiệp trung bình của nông hộ dùng cho hoạt động sản xuất lúa của hai nhóm hộ cũng không có sự khác biệt nhau đáng kể.

3.2. Phân tích tình hình vay vốn của nông hộ

Theo số liệu điều tra 40 hộ trồng lúa chưa vay vốn tín dụng thì 100% số hộ này đều có nhu cầu vay vốn nhưng chưa tiếp cận được nguồn vốn vay. Điều này cho thấy các nông hộ trồng lúa đang thiếu vốn và có nhu cầu vay vốn rất cao. Lý do chủ yếu nhóm hộ chưa tiếp cận được nguồn vốn vay là các nông hộ cho rằng thủ tục vay vốn chính thức phức tạp, rườm rà (chiếm 77,5%).

Kết quả khảo sát 40 hộ có vay tín dụng cho thấy nông hộ chủ yếu vay vốn từ ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT), Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) và ngân hàng Công thương. Bên

cạnh nông hộ còn được vay vốn từ ngân hàng chính sách xã hội (CSXH) và Hội nông dân (HND) địa phương. Khi được tiếp cận với nguồn vốn tín dụng chính thức, các nông dân được thuận lợi là được hưởng lãi suất vay vốn vừa phải, hợp lý. Hiện tại khi vay vốn của ngân hàng Công thương và QTDND, các nông hộ phải trả lãi suất là 1%/tháng, khi vay vốn từ ngân hàng NN&PTNN, các nông hộ trả lãi suất 0,95%/tháng, còn khi vay vốn từ ngân hàng CSXH và HND thì nông hộ chỉ trả lãi suất 0,65%/tháng. Tiếp cận nguồn vốn vay với lãi suất thấp là lợi ích lớn nhất của nông hộ. Ngoài ra những nông hộ vay vốn từ HND còn được hướng dẫn phương thức và kỹ thuật sản xuất, hỗ trợ thông tin tiêu thụ... Điều này rất cần thiết và có ý nghĩa quan trọng với nông hộ trên địa bàn Huyện.

Bên cạnh những thuận lợi thì trong quá trình vay vốn, nông hộ trên địa bàn huyện Châu Thành cũng còn gặp những khó khăn nhất định. Những khó khăn cụ thể được trình bày trong bảng 3.

Bảng 3. Những khó khăn nông hộ gặp phải trong quá trình vay vốn

| Khó khăn | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
|------------------------------------|------------------|--------------|
| Thủ tục vay phức tạp, rườm rà | 23 | 57,50 |
| Thời gian nhận vốn còn chậm | 17 | 42,50 |
| Việc trả nợ và lãi không linh hoạt | 6 | 15,00 |
| Khó khăn khác | 5 | 12,50 |

Nguồn: Kết quả phân tích từ số liệu điều tra năm 2020

Phần lớn khó khăn các nông hộ gặp phải là thủ tục vay phức tạp, rườm rà, tỷ lệ này chiếm 57,5%. Vì trình độ người nông dân trên địa bàn còn hạn chế nên khi đọc bảng hướng dẫn thủ tục làm hồ sơ vay vốn và các bước thực hiện khi vay

vốn của các tổ chức tín dụng vẫn chưa hiểu rõ mình phải làm gì và thực hiện như thế nào. Khi được cán bộ tín dụng hướng dẫn làm thủ tục vay thì một phần chưa hiểu ý nhân viên, một phần không quen với giấy, viết nên phải làm đi, làm

lại nhiều lần. Bên cạnh các nông hộ vay vốn từ ngân hàng NN&PTNT và ngân hàng CSXH, cho rằng thời gian nhận được vốn trung bình là trên 12 ngày, như vậy là còn chậm nên đôi khi ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất của nông hộ. Một vấn đề không thuận lợi nữa là khi nông hộ được mùa có tiền trả nợ vay ngân hàng một phần trước thời gian đáo hạn thì vẫn phải trả lãi trên số vốn gốc ban đầu đã vay và tính cho đến khi đáo hạn. Điều này khiến người nông dân cho rằng không hợp lý và lãng phí với nông hộ.

Nguồn vốn tín dụng nông hộ vay chủ yếu là trong thời hạn 1 năm và số vốn vay 1 lần với số tiền nhỏ nhất là 20 triệu đồng/hộ và số tiền vay lớn nhất là 40 triệu đồng/hộ. Nguồn vốn tín dụng vay về được nông hộ đầu tư hoàn toàn vào hoạt động trồng lúa như mua phân bón lúa, mua giống và trang thiết bị sản xuất như mua máy phun hạt để xạ lúa, rải phân và phun thuốc nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cây lúa phát triển tốt và tăng năng suất lúa. Tình hình sử dụng vốn vay của nông hộ được thể hiện qua bảng 4.

Bảng 4. Tình hình sử dụng vốn vay hiện tại của nông hộ

Đơn vị tính: triệu đồng

| Khoản mục | Giá trị nhỏ nhất | Giá trị lớn nhất | Giá trị trung bình |
|--|------------------|------------------|--------------------|
| Tổng vốn tín dụng vay của hộ | 20,00 | 40,00 | 30,000 |
| Số vốn tín dụng đầu tư mua phân bón cho lúa | 9,00 | 30,00 | 19,188 |
| Số vốn tín dụng đầu tư mua giống lúa | 4,00 | 10,00 | 6,425 |
| Số vốn tín dụng đầu tư mua thiết bị sản xuất | 0,00 | 6,50 | 4,387 |

Nguồn: Kết quả phân tích từ số liệu điều tra năm 2020

Như vậy, vốn tín dụng được nông hộ đầu tư chủ yếu vào việc mua phân bón cho lúa nhằm cung cấp kịp thời nguồn dinh dưỡng cân đối cần thiết theo từng giai đoạn phát triển của cây lúa, giúp cây cho năng suất cao hơn. Bên cạnh, giống cũng là yếu tố đầu vào rất quan trọng, hiểu được điều này, sau khi có vốn người dân mạnh dạn đầu tư vào mua các loại giống cho năng suất cao và chất lượng nảy mầm tốt, góp phần nâng cao hiệu quả trong sản xuất cũng như nâng cao thu nhập của nông hộ.

3.3. Tác động của tín dụng đến thu nhập của nông hộ trồng lúa tại huyện Châu Thành

Thực tế tại địa bàn nghiên cứu, nguồn thu nhập của nông hộ trồng lúa chủ yếu đến từ hoạt động trồng lúa của nông hộ và các nguồn thu nhập khác không đáng kể. Do đó để đánh giá tác động của tín dụng đến thu nhập của nông hộ, nghiên cứu đã chọn phân tích tác động của tín dụng đến thu nhập từ hoạt động sản xuất lúa của nông hộ là nguồn thu nhập chính của nông hộ.

Bảng 5. Thu nhập trung bình của nông hộ trồng lúa trong một năm

Đơn vị tính: triệu đồng

| Khoản mục | Nhóm hộ có vay tín dụng | Nhóm hộ chưa vay tín dụng | So sánh giữa nhóm hộ có vay và chưa vay vốn tín dụng | | Kiểm định T (Mức ý nghĩa thống kê) |
|------------------------------|-------------------------|---------------------------|--|---------------------|------------------------------------|
| | | | Giá trị tăng/giảm | Tỷ lệ tăng/giảm (%) | |
| 1. Thu nhập từ trồng lúa | 120,036 | 86,657 | 33,379*** | 38,52 | 0,000 |
| 2. Thu nhập ngoài trồng lúa: | 14,614 | 14,789 | -0,175 ^{ns} | -1,18 | 0,803 |
| * Thu nhập từ trồng hoa màu | 4,663 | 4,488 | 0,175 ^{ns} | 3,90 | 0,109 |
| * Thu nhập từ chăn nuôi | 5,263 | 5,313 | -0,050 ^{ns} | -0,94 | 0,421 |
| * Thu nhập từ làm thuê | 3,550 | 3,763 | -0,213 ^{ns} | -5,66 | 0,697 |
| * Thu nhập khác | 1,138 | 1,225 | -0,087 ^{ns} | -7,10 | 0,780 |
| Tổng thu nhập | 134,650 | 101,446 | 33,204*** | 32,73 | 0,000 |

Nguồn: Kết quả phân tích từ số liệu điều tra năm 2020

*(Ghi chú: *, **, ***: lần lượt là các ký hiệu thể hiện có ý nghĩa về mặt thống kê ở các mức tương ứng là 90%, 95% và 99%; ns: không có ý nghĩa về mặt thống kê.)*

Thu nhập trung bình một năm từ hoạt động trồng lúa của nhóm hộ có vay vốn tín dụng cao hơn 33,3 triệu đồng so với nhóm hộ chưa có vay vốn tín dụng. Sự khác biệt về thu nhập từ hoạt động trồng lúa giữa hai nhóm hộ có mức ý nghĩa thống kê cao. Các nguồn thu nhập khác ngoài hoạt động trồng lúa chiếm tỷ trọng rất thấp trong tổng thu nhập của nông hộ và có sự tương đồng giữa hai nhóm hộ có vay vốn và chưa có vay vốn tín dụng. Do đó, sự khác biệt của các nguồn thu nhập ngoài hoạt động trồng lúa của hai nhóm hộ có vay vốn và chưa có vay vốn tín dụng không có ý nghĩa về mặt thống kê. Có sự khác biệt lớn về thu nhập từ hoạt động trồng lúa của hai nhóm hộ có vay và chưa vay vốn tín dụng là do huyện Châu Thành là một huyện biên giới còn rất nhiều khó khăn nên phần lớn nông hộ trồng lúa đều bị thiếu vốn trong quá trình sản xuất. Do đó khi được tiếp cận được nguồn vốn

vay tín dụng các nông hộ sử dụng nguồn vốn này để gia tăng mức đầu tư các yếu tố đầu vào trong trồng lúa như gia tăng phân bón, giúp cung cấp đầy đủ và cân đối dinh dưỡng kịp thời cho cây lúa trên cả ba vụ trong năm; chọn mua giống tốt hơn; làm đất kỹ hơn nhằm diệt sâu bệnh hại lúa giúp tăng năng suất lúa trên cả 3 vụ, từ đó góp phần tăng hiệu quả sản xuất cũng như tăng thu nhập của nông hộ. Đồng thời khi có vốn người nông dân đã mua thêm máy xạ lúa, phun phân, phun thuốc nên đã tận dụng thêm được lao động gia đình, góp phần làm tăng thu nhập của nông hộ. Để thấy rõ hơn sự khác biệt về thu nhập giữa hai nhóm hộ có vay vốn và chưa có vay vốn tín dụng, nghiên cứu tiến hành phân tích, so sánh thu nhập và hiệu quả sản xuất lúa trung bình trong 1 vụ trên diện tích 1 ha của hai nhóm hộ này.

Bảng 6. So sánh thu nhập, hiệu quả sản xuất lúa trung bình trong 1 vụ trên 1ha (10.000 m²) của hai nhóm hộ có vay vốn và chưa có vay vốn tín dụng

| Khoản mục | ĐVT | Có vay tín dụng | Chưa có vay tín dụng | So sánh giữa nhóm hộ có vay và chưa vay vốn tín dụng | | Kiểm định T (Mức ý nghĩa thống kê) |
|-----------------------|------------|--------------------|----------------------------|--|---------------------------|---|
| | | | | Giá trị tăng/giảm | Tỷ lệ tăng/giảm (%) | |
| Năng suất | Tấn/ha | 7,062 | 5,714 | 1,348*** | 23,59 | 0,000 |
| Giá trị sản lượng | Triệu đồng | 37,410 | 30,391 | 7,019*** | 23,09 | 0,000 |
| Tổng chi phí (TCP) | Triệu đồng | 17,412 | 15,718 | 1,694*** | 10,78 | 0,000 |
| * Chi phí lao động | Triệu đồng | 3,254 | 3,340 | -0,086*** | -2,57 | 0,000 |
| Chi phí lao động nhà | Triệu đồng | 2,671 | 2,035 | 0,636*** | 31,25 | 0,000 |
| Chi phí lao động thuê | Triệu đồng | 0,583 | 1,305 | -0,722*** | -55,33 | 0,000 |
| * Chi phí vật chất | Triệu đồng | 14,158 | 12,378 | 1,780*** | 14,38 | 0,000 |
| Chi phí phân bón | Triệu đồng | 5,712 | 4,789 | 0,923*** | 19,27 | 0,000 |
| Chi phí vật chất khác | Triệu đồng | 8,446 | 7,589 | 0,857*** | 11,29 | 0,000 |
| Lợi nhuận (LN) | Triệu đồng | 19,998 | 14,673 | 5,325*** | 36,29 | 0,000 |
| Thu nhập (TN) | Triệu đồng | 22,669 | 16,708 | 5,961*** | 35,68 | 0,000 |
| LN/TCP | Lần | 1,149 | 0,934 | 0,215*** | 23,02 | 0,000 |
| TN/TCP | Lần | 1,302 | 1,063 | 0,239*** | 22,48 | 0,000 |

Nguồn: Kết quả phân tích từ số liệu điều tra năm 2020

(Ghi chú: *, **, ***: lần lượt là các ký hiệu thể hiện có ý nghĩa về mặt thống kê ở các mức tương ứng là 90%, 95% và 99%; ns: không có ý nghĩa về mặt thống kê.)

Như vậy, trung bình trong 1 vụ năng suất lúa của nhóm hộ có vay vốn cao hơn nhóm hộ chưa vay vốn tín dụng 1,348 tấn/ha. Kết quả bảng 6 đã cho thấy thu nhập từ trồng lúa của nhóm hộ có vay vốn tín dụng cao hơn nhóm hộ

chưa vay vốn tín dụng là 5,961 triệu đồng/ha/vụ trong khi tổng chi phí của nhóm hộ có vay vốn tín dụng chỉ cao hơn nhóm hộ chưa vay vốn 1,694 triệu đồng/ha/vụ. Do đó, hiệu quả sản xuất lúa của nhóm hộ có vay vốn tín dụng cao

hơn nhóm hộ chưa vay vốn tín dụng. Sự khác biệt về thu nhập cũng như các chỉ tiêu kết quả, hiệu quả sản xuất lúa giữa hai nhóm hộ có vay vốn tín dụng và chưa vay vốn tín dụng đều có mức ý nghĩa thống kê cao.

Bên cạnh, để đánh giá cụ thể hơn tác động của tín dụng đến thu nhập của nông hộ trồng lúa, nghiên cứu đã sử dụng phương pháp bình

phương bé nhất thông thường (OLS) để ước lượng mức độ ảnh hưởng của tín dụng và các yếu tố khác đến thu nhập từ hoạt động trồng lúa của nông hộ. Với kỹ thuật ước lượng hồi quy tuyến tính bằng phương pháp OLS, kết quả mô hình hàm thu nhập từ hoạt động sản xuất lúa của nông hộ được thể hiện ở bảng 7.

Bảng 7. Kết quả ước lượng tham số mô hình hồi quy đa biến thu nhập của nông hộ

| Biến số | Hệ số hồi quy (α_i) | Giá trị thống kê t (t-Statistic) | Giá trị P_value |
|------------|------------------------------|----------------------------------|-----------------|
| Hằng số C | -22,655*** | -5,768 | 0,000 |
| TINDUNG | 30,784*** | 16,977 | 0,000 |
| DIENTICH | 42,860*** | 10,626 | 0,000 |
| LAODONG | 8,015*** | 4,157 | 0,000 |
| KINHNGHIEM | 0,767** | 2,202 | 0,030 |
| HOCVAN | 1,623*** | 3,531 | 0,000 |
| GIOITINH | -2,596 ^{ns} | -1,509 | 0,135 |

Hệ số R²_a: 0,9512
 Durbin Watson: 2,3498
 Giá trị kiểm định mô hình (Prob (F- statistic)): 0,0000

Nguồn: Kết quả phân tích từ số liệu điều tra năm 2020

(Ghi chú: *, **, ***: lần lượt là các ký hiệu thể hiện có ý nghĩa về mặt thống kê ở các mức tương ứng là 90%, 95% và 99%; ns: không có ý nghĩa về mặt thống kê.)

Kết quả ước lượng cho thấy, mô hình có ý nghĩa rất cao (99%) đã chỉ ra những yếu tố có ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trồng lúa ở huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Trong đó, mức độ ảnh hưởng của tín dụng đến thu nhập là rất cao. Đồng thời, mô hình cũng đã giải thích được 95,12% ý nghĩa sự biến động của biến độc lập lên biến phụ thuộc thu nhập.

Kết quả phân tích hồi quy về tác động của tín dụng đến thu nhập của nông hộ trồng lúa được trình bày ở bảng 7 cho thấy biến giả tín dụng (TINDUNG) có giá trị dương và có ý nghĩa cao về mặt thống kê (ở mức ý nghĩa 99%). Do đó, chúng ta có thể kết luận rằng sự khác biệt về thu nhập của hai nhóm hộ có vay vốn tín dụng và chưa vay vốn tín trong sản xuất lúa là có ý nghĩa thống kê. Ngoài ra thu nhập của nông hộ trồng lúa còn chịu ảnh hưởng bởi những nhân tố khác như diện tích trồng lúa, lao động tham gia sản xuất lúa của hộ, kinh nghiệm và trình độ học vấn

chủ hộ. Các yếu tố này cũng có tác động tích cực đến thu nhập của nông hộ.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự khác biệt về thu nhập từ hoạt động trồng lúa giữa hai nhóm hộ có vay vốn và chưa vay vốn tín dụng trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Theo đó, nhóm hộ có vay vốn tín dụng có thu nhập từ trồng lúa cao hơn nhóm hộ chưa vay vốn tín dụng. Bên cạnh đó nghiên cứu cũng chỉ ra rằng thu nhập chính của nông hộ từ hoạt động sản xuất lúa chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, trong đó việc có sử dụng vốn vay tín dụng tác động đáng kể và có vai trò quan trọng góp phần tăng thu nhập của nông hộ. Ngoài ra, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng trong quá trình vay vốn tín dụng, các nông hộ cũng còn gặp phải những khó khăn nhất định như thủ tục vay hiện nay vẫn còn rườm rà, phức tạp, thời gian nhận vốn còn chậm, việc trả nợ gốc và lãi chưa thật sự linh hoạt.

Từ kết quả nghiên cứu và điều kiện thực tế ở huyện Châu Thành tỉnh Tây Ninh, nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao thu nhập của nông hộ trồng lúa như sau:

Thứ nhất, kết quả nghiên cứu cho thấy tuổi trung bình của nông hộ trồng lúa tại huyện Châu Thành còn khá trẻ nhưng trình độ văn hóa tương đối thấp, các chủ hộ có trình độ học vấn trung bình thấp hơn lớp 6. Do đó Nhà nước cần phát triển hệ thống trường lớp ở nông thôn với nhiều hình thức (thường xuyên, không thường xuyên, ngắn hạn...) và có chính sách hỗ trợ, khuyến khích bà con nông dân (đặc biệt là các chủ hộ trẻ tuổi) đến học để nâng cao trình độ. Khi trình độ được nâng cao thì việc tiếp cận những tiến bộ khoa học kỹ thuật dễ dàng hơn cũng như kỹ năng quản lý nguồn vốn trong sản xuất tốt hơn góp phần nâng cao thu nhập nông hộ và phát triển nông thôn.

Thứ hai, vì trình độ của nông hộ trên địa bàn còn khá thấp nên việc thực hiện làm thủ tục vay vốn còn gặp nhiều khó khăn. Do đó để tăng khả năng tiếp cận của nông hộ với nguồn vốn tín dụng, các ngân hàng và các tổ chức tín dụng (TCTD) cần phải đơn giản hóa thủ tục vay hơn nữa và nhân viên tín dụng cần hướng dẫn các bước làm thủ tục vay vốn một cách rõ ràng, cụ thể và dễ hiểu nhất.

Thứ ba, các ngân hàng và TCTD cần rút ngắn thời gian chờ nhận vốn của nông hộ vay vốn nhằm đảm bảo nguồn vốn tín dụng đến với người nông dân nhanh nhất và kịp thời, từ đó không ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất của người dân. Để làm được điều này, khi nhận được hồ sơ vay vốn của nông hộ, các ngân hàng và TCTD cần sắp xếp thời gian thẩm định các hồ sơ vay vốn cũng như tài sản thế chấp của nông hộ và hoàn tất các thủ tục cấp vốn một cách sớm nhất có thể.

Thứ tư, bên cạnh cung cấp dịch vụ tín dụng, các ngân hàng và TCTD cần thường xuyên hướng dẫn, hỗ trợ và tư vấn kỹ thuật sản xuất, tiêu thụ cho các nông hộ. Điều này rất cần thiết và quan trọng đối với nông hộ trên địa bàn huyện Châu Thành nhằm giúp nông hộ sản xuất đúng hướng, tăng hiệu quả, từ đó tăng thu nhập

và tăng khả năng thu hồi vốn của các ngân hàng và các TCTD.

Lời cảm ơn

Nhóm nghiên cứu chân thành cảm ơn Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh đã tài trợ kinh phí để thực hiện nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chu Thị Kim Loan và Nguyễn Văn Hường (2015). Ảnh hưởng của nguồn lực đến thu nhập của nông hộ tỉnh Thanh Hóa: nghiên cứu điển hình ở huyện Thọ Xuân và Hà Trung. *Tạp chí Khoa học và Phát triển*, 13(6), 1051-1060.
2. Demurger, S., Fournier, M. and Yang, W. (2010). Rural Households' Decisions towards Income Diversification: Evidence from a Township in Northern China. *China Economic Review*, 457, 1-13.
3. Huỳnh Thị Đan Xuân và Mai Văn Nam (2011). Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ chăn nuôi gia cầm ở đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, Phần b, 17, 87-96.
4. Janvry, A.D. and Sadoulet, E. (2001). Income Strategies Among Rural Households in Mexico: The Role of Off-farm Activities. *World Development*, 29(3), 467-480.
5. Klasen, S., Priebe, J. and Rudolf, R. (2013). Cash Crop Choice and Income Dynamics in Rural Areas: Evidence for Post-crisis Indonesia. *Agricultural Economics*, 44, 349-364.
6. Ngân hàng nhà nước Việt Nam (2018). Truy cập từ https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/m/menu/trang/chu/ttsk/ttsk_chitiet?leftWidth=0%25&showFooter=false&showHeader=false&dDocName=SBV355433&rightWidth=0%25¢erWidth=100%25&_afLoop=4284536713849664#%40%3F_afLoop%3D4284536713849664%26centerWidth%3D100%2525%26dDocName%3D%3D0%2525%26leftWidth%3D0%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3Dhnnb34a11_9
7. Nguyễn Lan Duyên (2014). Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ ở An Giang. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học An Giang*, 3(2), 63-69.
8. Nguyễn Tiến Dũng, Bùi Văn Trịnh và Phan Thuận (2014). Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của người nông dân trồng lúa ở Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, phần d, 31, 117-123.
9. Nguyễn Việt Anh, Trần Thị Thu Thủy và Nguyễn Xuân Khoát (2010). Những nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ nông dân có vốn vay ở huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, 62, 5 - 13.
10. Yang, D. (2004). Education and Allocative Efficiency: Household Income Growth during Rural Reforms in China. *Journal of Development Economics*, 74, 137-162.
11. Yu, J., and Zhu, G. (2013). How Uncertain Is Household Income in China. *Economics Letters*, 120, 74-78.

THE IMPACT OF CREDIT ON INCOME OF RICE HOUSEHOLDS IN CHAU THANH DISTRICT TAY NINH PROVINCE

Pham Thi Nhien¹, Nguyen Duyen Linh¹, Pham Thi Thuyen¹, Nguyen Van Cuong¹

¹Nong Lam University of Ho Chi Minh City

SUMMARY

This study was conducted to assess the impact of credit on the main income of rice households in Chau Thanh district, Tay Ninh province. Descriptive statistical methods and the Ordinary Least Square method (OLS) were used to describe households' characteristics, credit situation, analyze and estimate the impact of credit on income from rice cultivation is the main source of households' income. Research results showed that the using of credit loans has a positive impact on rice households' income and increases farm income. Accordingly, the group of households with credit loans has income from rice cultivation activities higher than the group of households without credit loans of more than 33 million VND per year. However, in the process of borrowing, the rice households also encountered difficulties. On that basis, the study proposes recommendations to improve the efficiency of capital use, increase the income of rice households.

Keywords: Chau Thanh district, Credit, income, rice household.

Ngày nhận bài : 17/4/2020

Ngày phản biện : 29/7/2020

Ngày quyết định đăng : 12/8/2020